

Bản án số: 59/2026/HS-ST

Ngày 08-5-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Châu Giang;

Ông Nguyễn Văn Tấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thu Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Thi- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2026/TLST-HS ngày 26 tháng 03 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Lê Ngọc T, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1978, tại xã Q, tỉnh Lào Cai.

Căn cước công dân: 015078006050.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hải M (đã chết) và bà Đặng Thủy C; vợ: Mai Thị C1 (đã ly hôn) con: Có 02 người con, người con lớn nhất sinh năm 2001, người con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 06-11-2020, bị Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái (cũ) Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Quyết định số 39/QĐ-TA.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02-12-2025, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Tạm giam” tại Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh Lào Cai, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hồng L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Đ, phường N, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

* **Những người tham gia tố tụng khác:**

- Người làm chứng:

+ Anh Trần Văn V, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn M, xã Y, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn L, xã M, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ ngày 29/12/2023, tại tổ dân phố số 7, thị trấn P, huyện TY, tỉnh Yên Bái nay là thôn C, xã Y, tỉnh Lào Cai, tổ công tác của Công an huyện TY, tỉnh Yên Bái cũ đã tiến hành kiểm tra và phát hiện Trần Văn V có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. V tự giác giao nộp 01 đoạn ống nhựa màu xanh (loại ống hút) bên trong có chất bột nén màu trắng, V khai nhận là ma túy, loại Heroine V mua của Lê Ngọc T vào ngày 28/12/2023 để sử dụng cho bản thân.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở, đồ vật đối với Lê Ngọc T. Kết quả: Phát hiện, thu giữ dưới viên gạch trên nền đất trong vườn nhà Lê Ngọc T 04 đoạn ống nhựa (loại ống hút) màu đen đều được hàn kín hai đầu bằng nhiệt, bên trong mỗi ống đều chứa chất bột nén màu trắng. Ngoài ra còn thu giữ 01 thẻ nhớ lắp trong camera của nhà T.

Tại Bản Kết luận giám định số: 10/KL-KTHS ngày 04/01/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Yên Bái cũ, kết luận:

1. Chất bột nén màu trắng thu giữ do Trần Văn V tự giao nộp có khối lượng là 0,05 gam.

- 0,05 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine;

2. Chất bột nén màu trắng thu giữ khi khám xét tại thôn T, xã Y, TY, Yên Bái ngày 29/12/2023 có tổng khối lượng là 0,3 gam.

- 0,1 gam trích từ 0,3 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

Tiến hành trưng cầu giám định kỹ thuật số điện tử để khôi phục, trích xuất dữ liệu trong chiếc thẻ nhớ camera thu giữ của Lê Ngọc T.

Tại các bản Kết luận giám định số: 78/KL-KTHS ngày 23/01/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai và Kết luận giám định số: 696/KL-KTHS ngày 10/02/2026 của Viện Khoa học kỹ thuật hình sự, Bộ Công an đều kết luận: *Không khôi phục, trích xuất được dữ liệu trong thẻ nhớ của camera cần giám định.*

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Văn V khai nhận:

Do bản thân nghiện chất ma túy nên V đã nhiều lần mua Heroine của Lê Ngọc T có nhà ở thôn T, xã Q, huyện TY, tỉnh Yên Bái (nay là thôn T, xã Q, tỉnh Lào Cai) để sử dụng cho bản thân. Đến khi bị Cơ quan điều tra phát hiện, V nhớ được cụ thể 03 lần đã mua Heroine của T, trong đó có 02 lần góp tiền cùng một người nghiện chất ma túy khác tên là Nguyễn Hồng L. Nội dung các lần mua bán chất ma túy diễn ra cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Trưa ngày 25/12/2023, V và L rủ nhau đến nhà T để mua Heroine sử dụng, trước khi đi L sử dụng số điện thoại của mình có số thuê bao 0374.692.340 gọi đến số điện thoại 0355.196.180 của T để hỏi mua ma túy. Sau đó V, L mỗi người góp 200.000 đồng, L là người cầm tiền rồi cả hai cùng đi xe mô tô đến nhà T. V đứng ở gần cổng nhà T còn L gặp T ở trước hiên căn nhà xây phía sau, cách nhà của T khoảng 5-6m, tại đây T đã lấy chất ma túy từ dưới đồng gạch đỏ gần chỗ T đứng bán cho L 02 gói Heroine được đóng gói trong ống nhựa (loại ống hút) với giá 400.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, V và L chia nhau và tự sử dụng hết.

Lần thứ hai: Trưa ngày 27/12/2023, V và L tiếp tục rủ nhau đến nhà T để mua ma túy sử dụng. Trước khi đi V có gọi điện thoại cho T, còn L có gọi hay không thì V không biết. Sau đó cả hai mỗi người góp 200.000 đồng, V là người cầm tiền rồi cả hai cùng đi xe mô tô đến đứng ở đường bê tông, sát hàng rào nhà T. Bằng cách thức đưa tiền và chất ma túy qua hàng rào, T đã bán cho V 02 gói Heroine được đóng gói trong ống nhựa với giá 400.000 đồng. Mua được ma túy, V và L chia nhau và tự sử dụng hết.

Lần thứ ba: Trưa ngày 28/12/2023, V sử dụng số điện thoại của mình có số thuê bao 0352.755.096 gọi đến số điện thoại 0355.196.180 của T hỏi mua ma túy. Sau đó V nhờ L chờ đến đứng ở đường bê tông, sát hàng rào nhà T, tại đây cũng bằng cách thức đưa tiền và chất ma túy qua hàng rào, T đã bán cho V 01 gói ma túy được đóng gói trong ống nhựa với giá 200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, L chở V về khu vực hồ Đàm V thuộc thôn C, xã TY, tỉnh Lào Cai rồi L đi về trước. Tại đây, V lấy một ít Heroine ra sử dụng, số còn lại V cất giấu trong người. Đến khoảng 14 giờ ngày 29/12/2023, V đi đến khu vực Nghĩa Trang số 2, thuộc thôn C, xã TY, tỉnh Lào Cai mục đích để sử dụng ma túy thì bị phát hiện.

Căn cứ tài liệu điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập lấy lời khai của Nguyễn Hồng L, kết quả L khai nhận về 02 lần góp tiền cùng Trần Văn V để mua heroine và 01 lần dùng xe mô tô chở V đi mua ma túy của Lê Ngọc T vào các ngày 25/12/2023; 27/12/2023 và ngày 28/12/2023 hoàn toàn trùng khớp với lời khai của V về các nội dung thời gian, địa điểm, số tiền, đặc điểm đóng gói và cách thức mua bán chất ma túy. Ngoài ra L khai nhận trước khi đến nhà T mua ma túy ngày 25/12/2023 và ngày 27/12/2023 L có gọi điện trước cho T.

Tại cơ quan điều tra, Lê Ngọc T không thừa nhận hành vi bán chất ma túy là Heroine cho V và L, T khai bản thân không quen biết những người này và cũng không biết tại sao trong vườn nhà mình lại có chất ma túy. Số ma túy, cơ quan điều tra đã thu giữ khi khám xét không phải của T.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của V và L bằng que thử nhanh, kết quả xét nghiệm V và L đều dương tính với chất ma túy, nhóm MOR.

Tiến hành cho Trần Văn V và Nguyễn Hồng L xác định lại hiện trường nơi diễn ra hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Kết quả: V và L xác định trùng khớp với nhau về vị trí các lần mua bán trái phép chất ma túy vào các ngày 27/12/2023 và ngày 28/12/2023.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra; thu thập tài liệu chi tiết lịch sử cuộc gọi đi, đến do Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội Viettel chi nhánh tỉnh Yên Bái cung cấp; Trung tâm Viện khoa học hình sự, Bộ Công an giám định âm thanh đối với các file ghi âm cuộc gọi thu giữ trong điện thoại của Nguyễn Hồng L. Cơ quan điều tra thu được các kết quả như sau:

Có nhiều cuộc gọi giữa Lê Ngọc T với Trần Văn V, Nguyễn Hồng L, trong đó có các cuộc gọi vào các khung thời gian như V, L khai báo về việc mua bán chất ma túy. Kiểm tra điện thoại của L thấy có 19 cuộc gọi được ghi âm (L khai do mình bật chế độ tự động ghi âm cuộc gọi). Kiểm tra, đối chiếu thời lượng 17 cuộc gọi do tập đoàn Viettel cung cấp với 19 file ghi âm thu giữ trong máy điện thoại của L có

16 cuộc gọi trùng khớp về thời lượng, thời gian, trong đó có các ngày 25/12/2023 và ngày 27/12/2023 (còn 01 lịch sử cuộc gọi không có file ghi âm để đối chiếu; 02 đoạn ghi âm không có lịch sử cuộc gọi để đối chiếu). Tại bản Kết luận giám định số: 8570/KL-KTHS ngày 21/11/2025, kết luận:

- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file ghi âm mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người đàn ông được gọi là “anh” tự xưng “anh” trong các file ghi âm mẫu cần giám định (ký hiệu “T” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Lê Ngọc T trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Nội dung bản dịch các cuộc gọi giữa Nguyễn Hồng L và Lê Ngọc T ngày 25/12/2023 và ngày 27/12/2023 (do cơ quan giám định cung cấp) có nội dung liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Quá trình điều tra cũng đã xác định: Lê Ngọc T là người nghiện chất ma túy. Năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái cũ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngay sau thời điểm xảy ra vụ án ngày 28/12/2023, kết quả xét nghiệm chất ma túy cho thấy T vẫn sử dụng chất ma túy loại Heroine.

Với những chứng cứ nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đã kết luận điều tra đề nghị truy tố đối với Lê Ngọc T về hành vi 03 lần bán trái phép chất ma túy là Heroine cho Nguyễn Hồng L và Trần Văn V và xác định 04 đoạn ống nhựa có chứa 0,3 gam ma túy loại Heroine thu được khi khám xét khẩn cấp ngày 29/12/2023 do Tấn cất giấu.

Cáo trạng số 09/CT-VKS-KV3 ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 –Lào Cai đã truy tố: Lê Ngọc T, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc T phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về mức hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38, Điều 50, Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Ngọc T từ 08 năm đến 09 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự để xử lý đối với vật chứng.

- 0,2 gam ma túy loại Heroine hoàn lại sau khi giám định là vật cấm lưu hành cần tịch thu và tiêu hủy;

- 01 đoạn ống nhựa màu xanh; 04 đoạn ống nhựa màu đen; 07 vỏ phong bì đã mở niêm phong không còn giá trị sử dụng cần tịch thu và tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, màu xanh, mặt sau có chữ OPPO thu giữ của Nguyễn Hồng L, màn hình vỡ nhiều vết, đã cũ liên quan đến việc trao đổi, mua bán ma túy giữa L và bị cáo Lê Ngọc T đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền số tiền 1.000.000 bị cáo Lê Ngọc T bán ma túy cho Nguyễn Hồng L và Trần Văn V cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Lê Ngọc T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình;

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo tiếp tục không thừa nhận hành vi phạm tội của mình tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ, vật chứng thu giữ của vụ án, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và xem xét tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 25/12/2023 đến ngày 28/12/2023 tại khu vực thôn T, xã Y, huyện T, tỉnh Yên Bái nay là thôn T, xã Q, tỉnh Lào Cai, Lê Ngọc T đã có hành vi 03 lần bán trái phép chất ma túy, loại Heroine cho Nguyễn Hồng L và Trần Văn V, thu lời bất chính số tiền 1.000.000 đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Trưa ngày 25/12/2023 bán cho Nguyễn Hồng L 02 gói ma túy, loại Heroine với giá 400.000 đồng;

Lần thứ hai: Trưa ngày 27/12/2023 bán cho Trần Văn V 02 gói ma túy, loại Heroine với giá 400.000 đồng;

Lần thứ ba: Trưa ngày 28/12/2023 bán cho Trần Văn V 01 gói ma túy, loại Heroine với giá 200.000 đồng.

Ngoài ra bị cáo còn tàng trữ trái phép 0,3 gam ma túy loại Heroine mục đích

để sử dụng và bán kiếm lời.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Ngọc T đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lào Cai đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định về quản lý và kiểm soát chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi của bị cáo đang bị toàn xã hội bài trừ, lên án và cũng là nguyên nhân, làm gia tăng các loại tội phạm khác. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của mình.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân: Lê Ngọc T là người có nhân thân xấu, năm 2020 bị Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 39/QĐ-TA ngày 06-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái (cũ) (đã được xóa tiền sự); năm 2024 Lê Ngọc T bị Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái (cũ) Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, theo Quyết định số 08/QĐ-XPHC ngày 22/01/2024.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo Lê Ngọc T không thừa nhận hành vi phạm tội nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

Ngoài hành vi mua bán trái phép chất ma túy nêu trên bị cáo Lê Ngọc T còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 22/01/2024, Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái (cũ) đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Lê Ngọc T.

Đối với nguồn gốc ma túy bị cáo sử dụng, bị cáo khai báo mua của những người đàn ông không quen biết tại khu vực Xóm bụi thuộc thành phố YB (cũ). Căn cứ vào lời khai duy nhất của bị cáo nên Cơ quan điều tra không có đủ cơ sở để điều tra, xử lý.

Đối với Trần Văn V: Ngày 28/12/2023 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 29/12/2023 có hành vi tàng trữ 0,05 gam ma túy, loại Heroine để sử dụng cho bản thân, vi phạm quy định khoản 1, và điểm a, khoản 2, Điều 23 Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã

hội, phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ, phòng chống bạo lực gia đình. Ngày 24/01/2024 Công an huyện TY, tỉnh Yên Bái (cũ) đã ra quyết định số: 08/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với V, mức phạt 5.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với Nguyễn Hồng L: Tháng 12/2023 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vi phạm quy định khoản 1, Điều 23 Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Ngày 24/01/2024 Công an huyện TY, tỉnh Yên Bái (cũ) đã ra quyết định số: 09/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với L, mức phạt 1.500.000 đồng là phù hợp.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra còn xác định người nghiện chất ma túy khác có tên Nguyễn Văn S, cũng khai nhận đã mua Heroine của Lê Ngọc T 03 lần, mỗi lần 01 gói với giá 200.000 đồng vào các ngày 25/12/2023, 26/12/2023, 28/12/2023. Sau khi mua được ma túy S đã sử dụng hết. Tuy nhiên, ngoài lời khai của không còn chứng cứ nào khác để kết luận T bán ma túy cho S. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của S đã vi phạm quy định khoản 1, Điều 23 Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Ngày 24/01/2024 Công an huyện TY, tỉnh Yên Bái cũ đã ra quyết định số: 07/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với S, mức phạt 1.500.000 đồng là phù hợp.

[8] Về vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng:

- 0,2 gam ma túy loại Heroine hoàn lại sau khi giám là vật cấm lưu hành cần tịch thu và tiêu hủy;

- 01 đoạn ống nhựa màu xanh; 04 đoạn ống nhựa màu đen; 07 vỏ phong bì đã mở niêm phong không còn giá trị sử dụng cần tịch thu và tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, màu xanh, mặt sau có chữ OPPO thu giữ của Nguyễn Hồng L, màn hình vỡ nhiều vết, đã cũ liên quan đến việc trao đổi, mua bán ma túy giữa L và bị cáo Lê Ngọc T đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền số tiền 1.000.000 bị cáo Lê Ngọc T bán ma túy cho Nguyễn Hồng L và Trần Văn V cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Những nội dung đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt Lê Ngọc T 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính

từ ngày bắt tạm giam 02/12/2025.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 0,2 gam ma túy loại Heroine hoàn lại sau khi giám định là vật cấm lưu hành, 01 đoạn ống nhựa màu xanh, 04 đoạn ống nhựa màu đen, 07 vỏ phong bì đã mở niêm phong không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, màu xanh, mặt sau có chữ OPPO, màn hình vỡ nhiều vết thu giữ của Nguyễn Hồng L.

(Vật chứng trên có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 5 năm 2026, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Lào Cai).

- Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền số tiền 1.000.000 bị cáo Lê Ngọc T bán ma túy cho Nguyễn Hồng L và Trần Văn V.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Ngọc T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn V, anh Nguyễn Hồng L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3 – Lào Cai;
- Cơ quan CSĐT, CQTHAHS, Phòng HS-NV Công an tỉnh Lào Cai;
- Phòng THA dân sự khu vực 3- Lào Cai;
- Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh Lào Cai;
- Bị cáo (Trai) ;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu: HS, THA, TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hương